

XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU TRONG VIỆC XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH THỜI KỲ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Trong thời kì kế hoạch hóa, tập trung cạnh tranh được quan niệm là thuộc tính của kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, dẫn tới sự lãng phí do đầu tư trùng lặp, phá sản, tạo ra sự lộn xộn trên thị trường. Cạnh tranh bị đồng nhất với “tranh mua tranh bán”, “cá lớn nuốt cá bé”.

Vai trò của nhà nước là chỉ đạo, điều hành nền kinh tế một cách tập trung. Nền công nghiệp hiện đại dường như chỉ được xây dựng bằng sức mạnh của nhà nước. Cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lí bằng các biện pháp hành chính với trọng tâm là kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh vai trò quản lí kinh tế, Nhà nước còn trực tiếp tham gia hoạt động kinh tế bằng cách sở hữu những tài sản và công cụ quan trọng.

Về độc quyền, Đảng và nhà nước ta chủ trương hình thành và duy trì một số độc quyền trong nhà nước. Một số doanh nghiệp độc quyền được bên vực với các lí do “đảm bảo an ninh quốc gia”, “duy trì và củng cố vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước”. Độc quyền được coi là cần thiết để cung cấp nguồn thu quan trọng cho ngân sách. Trên thực tế độc quyền nhà nước và độc quyền của doanh nghiệp nhà nước được coi là đồng nhất.

Trong nhiều văn kiện đại hội Đảng luôn khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước phát triển về số lượng qua các năm, mặc dù có nhiều cố gắng cải cách nhưng chất lượng hoạt động của doanh nghiệp nhà nước chưa được cải thiện tương xứng. Doanh nghiệp nhà nước được hưởng nhiều ưu đãi về đầu tư, vốn tín dụng nhưng hiệu quả thấp, giải quyết được ít lao động, chưa phải luôn luôn đi đầu trong các lĩnh vực công nghệ tiên tiến. Những lĩnh vực, ngành nghề nhà nước cần nắm giữ độc quyền và chi phối chưa được thể chế hóa trong luật pháp.

Cùng với quá trình đổi mới, cạnh tranh theo pháp luật dần được chấp nhận như một động lực phát triển, đảm bảo hiệu quả, tiến bộ xã hội nhưng có giới hạn. Để thúc đẩy phát triển kinh tế và giải quyết công ăn việc làm, nhà nước từng bước nới lỏng cạnh tranh. Tuy nhiên, cho đến nay các mục tiêu phát triển ổn định và việc làm được đặt trên mục tiêu hiệu quả, tư duy nhận thức đang được đổi mới.

Thị trường tự điều chỉnh theo quy luật kinh tế, nhà nước tôn trọng nguyên tắc, cơ chế hoạt động khách quan của thị trường, hạn chế tiêu cực của thị trường. Nhà nước xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn, định hướng phát triển, xây dựng môi trường chung để thị trường hoạt động. Nhà nước quản lý kinh tế chủ yếu thông qua hệ thống pháp luật và các công cụ kinh tế vĩ mô, hạn chế chỉ đạo điều hành kinh tế bằng các biện pháp hành chính mà không dựa trên thước đo hiệu quả kinh tế, thiếu công khai, minh bạch. Quản lý các chủ thể tham gia thị trường tự điều chỉnh với nhau, chỉ yêu cầu sự can thiệp của nhà nước nếu có tranh chấp mà không tự giải quyết được. Chức năng của cơ quan quản lý nhà nước chuyển trọng tâm từ cấp phép, kiểm soát sang xây dựng chính sách, hỗ trợ doanh nghiệp. Các cơ quan cấp phép chuyển dần sang xúc tiến kinh doanh.

Sự tồn tại của chế độ kế hoạch hóa tập trung trong hệ thống xã hội chủ nghĩa cũ và thực tế điều hành nền kinh tế nước ta những năm 80 đầu 90 cho thấy với sự điều hành chặt chẽ đến mức không còn chỗ cho doanh nghiệp phát huy chủ động lại dẫn đến trì trệ. Trong sản xuất nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước không chủ đạo thì kết quả đạt được tốt hơn. Trong lĩnh vực do tổng công ty chủ đạo và việc tham gia kinh doanh của các khu vực khác bị hạn chế thì giá cả thị trường bị thao túng: giá cả biến động nhiều so với các ngành khác (xi măng, sắt thép, phân bón...).

Nhà nước đang tham gia hoạt động kinh tế nhưng với quy mô hạn chế hơn một cách tương đối. Về lâu dài, nhà nước chỉ tham gia kinh doanh trong trường hợp tư nhân không làm được và không muốn làm do không thể đồng thời phát triển mọi thành phần kinh tế: với sức mạnh về kinh tế và chính trị của nhà nước, việc phát huy mọi tiềm năng của DNNN sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển của khu vực tư nhân.

Vai trò của kinh tế tư nhân ngày càng được khẳng định rõ ràng hơn trong chủ trương, đường lối phát triển, trong luật pháp và trên thực tế. Ngay từ năm 1945, Tuyên ngôn độc lập đã khẳng định quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc của người dân. Hiến pháp năm 1992 thừa nhận quyền tự do kinh doanh của công dân, quyền bình đẳng trước pháp luật của các thành phần kinh tế. Hiến pháp sửa đổi vừa được Quốc hội thông qua tháng 12 năm 2001 thể chế hóa một thực tế: các thành phần kinh tế đều là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế. Các văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất đã phản ánh chủ trương của

Đảng là lấy dân làm gốc, kể cả trong lĩnh vực kinh tế. Vai trò to lớn của kinh tế tư nhân trong việc tạo ra sự năng động sáng tạo của nền kinh tế và giải quyết vấn đề lao động thiếu việc làm đang được khẳng định từng bước.

Chuyển đổi từ chế độ kế hoạch hóa sang kinh tế thị trường, nhiều yếu tố trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã chuyển sang cho doanh nghiệp tự quyết định: sản lượng, thị trường cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ, vay vốn, lao động tiền lương, giá cả (nhà nước chỉ quản lý một bộ phận sản phẩm và dịch vụ nhỏ hơn trước rất nhiều dưới hình thức giá trần, giá sàn, giá thẩm định, duyệt giá)...

Trong kinh tế thị trường, cạnh tranh tự do bao gồm tự do ngành nghề theo pháp luật, tự do quyết định của người kinh doanh và tự do lựa chọn của người tiêu dùng. Các doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình và hưởng thành quả theo kế hoạch hoạch động.

Việc điều chỉnh nền kinh tế vận hành theo kinh tế thị trường đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay là rất quan trọng. Trong khi đó, kinh tế thị trường vận hành theo cơ chế cạnh tranh là chủ yếu. Để thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển lành mạnh Nhà nước chỉ huy một cách tập trung thông qua các quy định, chỉ thị, mệnh lệnh hành chính đối với hoạt động kinh doanh của các thành phần kinh tế, kể cả quốc doanh, ngoài quốc doanh, đầu tư nước ngoài – không còn phù hợp. Mặt khác nước ta cũng đang chuyển đổi sang nền kinh tế mở cửa hơn, hội nhập với mức độ sâu rộng hơn với kinh tế thế giới. Điều này có nghĩa là mở rộng cạnh tranh nhằm đảm bảo cho tự do thương mại và ổn định để phát triển. Với tư cách là người quản lý xã hội, nhà nước cần xây dựng chính sách duy trì cạnh tranh và hạn chế độc quyền trong kinh doanh.

1. Khái niệm thị trường và cạnh tranh

Thị trường là nơi trao đổi hàng hóa được sản xuất ra và hình thành trong quá trình sản xuất và trao đổi hàng hóa cùng với mọi quan hệ kinh tế giữa người với người, liên kết với nhau thông qua trao đổi hàng hóa. Vì vậy thị trường theo nghĩa rộng là chỉ các hiện tượng kinh tế được phản ánh thông qua trao đổi và lưu thông hàng hóa, cùng quan hệ kinh tế và mối quan hệ kinh tế giữa người với người, do đó mà liên kết lại. Nghĩa hẹp của thị trường là chỉ khu vực và không

gian trao đổi hàng hóa¹. Thị trường có chức năng phối hợp các quá trình quyết định riêng lẻ và giải đáp bốn vấn đề cực kì quan trọng là sản xuất cái gì, như thế nào, cho ai và đổi mới cái gì. Thị trường cũng là cơ chế giúp đạt được các mục tiêu của xã hội như tự do, công bằng, lành mạnh và tiến bộ.

Cạnh tranh là một trong những đặc trưng cơ bản của kinh tế thị trường, là năng lực phát triển của kinh tế thị trường. Trong kinh tế thị trường, cạnh tranh là sự sống còn của mỗi doanh nghiệp. Cạnh tranh có thể được hiểu là sự ganh đua nhau giữa các doanh nghiệp trong việc giành một nhân tố sản xuất hoặc khách hàng nhằm nâng cao vị thế của mình trên thị trường, để đạt được một mục tiêu kinh doanh cụ thể, ví dụ như lợi nhuận, doanh số hoặc thị phần. Cạnh tranh trong một môi trường như vậy đồng nghĩa với ganh đua: ganh đua về giá cả, số lượng, dịch vụ hoặc kết hợp các yếu tố này và các nhân tố khác nữa để tác động đến khách hàng. Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh, các tín hiệu giá cả, lợi nhuận tạo ra sự kích thích để doanh nghiệp chuyển nguồn lực từ nơi tạo ra giá trị thấp hơn sang nơi giá trị cao hơn. Việc phân cấp quá trình ra quyết định cho doanh nghiệp sẽ thúc đẩy phân bổ hiệu quả các nguồn lực khan hiếm của xã hội, tăng phúc lợi cho người tiêu dùng và tăng hiệu quả các hoạt động thông qua đổi mới, thay đổi kỹ thuật và tiến bộ của toàn bộ nền kinh tế.

Cạnh tranh không lành mạnh là những hành vi cạnh tranh không hợp pháp hoặc không phù hợp với đạo lí, truyền thống của dân tộc. cạnh tranh không lành mạnh được định nghĩa rất khác nhau giữa các quốc gia. Những quy định pháp lí chống cạnh tranh không lành mạnh là nội dung cơ bản của Luật cạnh tranh theo nghĩa hẹp và kinh điển.

Dưới đây sẽ phân tích tác dụng tích cực của cạnh tranh và tác hại của việc chủ đạo đến mức độc quyền kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

2. Vai trò của cạnh tranh trong kinh tế thị trường

Cạnh tranh có thể đưa đến lợi ích cho người này và thiệt hại cho người khác, song xét dưới góc độ toàn xã hội, cạnh tranh luôn có tác động tích cực.

Đối với nền kinh tế, cạnh tranh đảm nhận một số chức năng quan trọng. Tầm quan trọng của những chức năng này có thể thay đổi theo từng thời kì. Tùy

¹Đại từ điển kinh tế thị trường

theo từng thời kì, tùy theo việc đánh giá tầm quan trọng của mỗi chức năng, người ta xây dựng mô hình chính sách cạnh tranh khác nhau.

Cạnh tranh điều chỉnh cung cầu hàng hóa trên thị trường. Khi cung cấp một mặt hàng nào đó lớn hơn cầu, cạnh tranh giữa những người bán làm cho giá cả thị trường giảm xuống, chỉ những cơ sở kinh doanh nào đủ khả năng cải tiến công nghệ, trang bị kỹ thuật, phương thức quản lí và hạ được giá bán sản phẩm mới có thể tồn tại.. với ý nghĩa đó, cạnh tranh là nhân tố quan trọng kích thích việc ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong sản xuất.

Khi cung một hàng hóa nào đó thấp hơn cầu, hàng hóa đó trở nên khan hiếm trên thị trường, giá cả tăng lên tạo ra lợi nhuận cao hơn mức bình quân. Khi đó, người kinh doanh sẽ đầu tư vốn xây dựng trên cơ sở sản xuất mới hoặc nâng cao năng lực sản xuất của những cơ sở sản xuất sẵn có. Đó là động lực quan trọng nhất làm tăng thêm lượng vốn đầu tư cho sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất cho toàn xã hội. *Điều quan trọng đó là động lực hoàn toàn tự nhiên, không theo và không cần bất kì một mệnh lệnh hành chính nào của cơ quan quản lí Nhà nước.*

Cạnh tranh buộc các chủ thể kinh doanh luôn luôn quan tâm đến việc cải tiến công nghệ, trang bị sản xuất và phương thức quản lí nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và trên cơ sở đó, hạ giá bán của hàng hóa.

Trong cạnh tranh tất yếu sẽ có doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh nhờ làm ăn hiệu quả, đồng thời có doanh nghiệp bị phá sản. Đối với xã hội, phá sản doanh nghiệp không hoàn toàn mang ý nghĩa tiêu cực vì các nguồn lực của xã hội được chuyển sang cho nhà kinh doanh khác tiếp tục sử dụng một cách hiệu quả hơn. **Vì vậy, phá sản không phải là sự hủy diệt hoàn toàn mà là sự hủy diệt sáng tạo.** Việc duy trì doanh nghiệp kém hiệu quả còn gây ra nhiều lãng phí cho xã hội hơn là phá sản.

Chức năng của cạnh tranh

- Cạnh tranh đảm bảo điều chỉnh giữa cung và cầu
- Cạnh tranh hướng việc sử dụng các nhân tố sản xuất vào những nơi có hiệu quả nhất
- Cạnh tranh tạo môi trường thuận lợi để sản xuất thích ứng với sự biến động của cầu và công nghệ sản xuất.

- Cạnh tranh tác động một cách tích cực đến phân phối thu nhập: cạnh tranh sẽ hạn chế hành vi bóc lột trên cơ sở quyền lực thị trường và việc hình thành thu nhập không tương ứng với năng suất.

- Cạnh tranh là động lực thúc đẩy đổi mới.

3. Mục tiêu và chức năng của chính sách cạnh tranh

Chính sách cạnh tranh theo nghĩa rộng bao gồm tất cả các biện pháp của nhà nước để cạnh tranh được tồn tại như một công cụ điều tiết của nền kinh tế thị trường. Như vậy chính sách cạnh tranh (hoặc rộng hơn là thể chế cạnh tranh) bao gồm những biện pháp chống cạnh tranh không lành mạnh và những biện pháp chống hạn chế cạnh tranh. Nội dung của chính sách sẽ được phân loại theo cấu trúc thị trường, hành vi ứng xử và kết quả đạt được trên thị trường.

Kết quả cạnh tranh sẽ xác định vị thế của doanh nghiệp trên thị trường. Vị thế của doanh nghiệp trên thị trường mang tính tương đối. Chính vì vậy, trong thực tế, bên cạnh những chiến lược để nâng cao vị trí tuyệt đối của mình, một số doanh nghiệp còn tìm cách làm giảm vị trí tuyệt đối của đối thủ hoặc kìm chế số lượng đối thủ nhập cuộc. Như vậy phương thức cạnh tranh của các doanh nghiệp bao gồm cả những biện pháp tích cực lẫn biện pháp tiêu cực đối với hoạt động kinh tế. Vì thế nhà nước phải xác định một chính sách cạnh tranh cùng với một khung pháp luật hợp lí để duy trì và khuyến khích cạnh tranh một cách tích cực nhằm đảm bảo sự phát triển của nền kinh tế.

Mỗi nước đặt ra cho chính sách cạnh tranh những mục tiêu khác nhau. Việc áp dụng nguyên mẫu mô hình chính sách cạnh tranh của nước này vào mô hình cạnh tranh của nước khác chắc chắn sẽ không thu được kết quả như mong đợi, thậm chí còn làm nảy sinh những hậu quả tai hại cho nền kinh tế nhưng có thể tham khảo để học tập. Chính sách cạnh tranh của Mỹ có ba mục tiêu: tăng phúc lợi cho người tiêu dùng, bảo vệ tự do cạnh tranh và tăng hiệu quả kinh tế. Ở một số nước khác, mục tiêu cạnh tranh lại nhấn mạnh tới đổi mới và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Luật cạnh tranh Canada nêu rõ mục tiêu là duy trì và khuyến khích cạnh tranh, thúc đẩy hiệu quả kinh tế.

Chức năng của chính sách cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Tạo nền tảng cơ bản cho quá trình cạnh tranh, duy trì và thúc đẩy quá trình cạnh tranh tự do hay bảo vệ hoặc thúc đẩy cạnh tranh hiệu quả. Để thực hiện được các mục tiêu này, chính sách cạnh tranh đảm bảo tự do thương mại, tự do lựa chọn và tự do tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp. Ở một số nước như Đức chẳng hạn, tự do hành động một cách độc lập được gọi là biểu hiện dân chủ của hệ thống luật pháp kinh tế. Một số nước khác, thí dụ như Pháp đặc biệt nhấn mạnh chính sách cạnh tranh như một cách thức bảo đảm tự do kinh tế và tự do kinh tế chính là tự do cạnh tranh.

- Điều tiết quá trình cạnh tranh, hướng quá trình này phục vụ cho những mục tiêu đã được định sẵn, ví dụ như đạt hiệu quả kinh tế cao, bảo vệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, duy trì hệ thống doanh nghiệp tự chủ, duy trì sự công bằng, trung thực trong kinh doanh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng...

- Chính sách cạnh tranh còn có thể giúp bình ổn giá cả trong nước và ngược lại, nếu tồn tại xu hướng độc quyền sẽ ít có khả năng thành công trong việc bình ổn giá cả.

- Hạn chế tác động tiêu cực nảy sinh do sự điều hành quá mức của nhà nước đối với thị trường như kéo dài thời gian ra quyết định của doanh nghiệp và chi phí giao dịch cao.

4. Vai trò của chính sách cạnh tranh trong cải cách quy chế

Chính sách cạnh tranh và cải cách quy chế tác động qua lại theo 4 cách sau:

Quy chế có thể mâu thuẫn với chính sách cạnh tranh. Các quy chế có thể được khuyến khích, hoặc thậm chí yêu cầu, hành vi và điều kiện vi phạm pháp luật cạnh tranh. Ví dụ, các quy chế cho phép hành vi câu kết ấn định giá cả, ngăn cản quảng cáo hoặc các cách thức khác thực hiện cạnh tranh hoặc yêu cầu phân chia thị phần theo khu vực địa lí; các quy chế cấm bán với giá thấp hơn chi phí, mặc dù đây là biện pháp thúc đẩy cạnh tranh nhưng thường được coi là hành vi chống cạnh tranh; nhiều quy chế hạn chế cạnh tranh hơn mức cần thiết nhằm đạt được mục tiêu của quy chế. Khi các quy chế này thay đổi hoặc bị xóa bỏ, các doanh nghiệp phải thay đổi thói quen và kì vọng của họ.

Quy chế có thể thay đổi chính sách cạnh tranh. Khi độc quyền là hình thức không thể tránh khỏi, quy chế cố gắng kiểm soát trực tiếp quyền lực thị trường thông qua nhân định giá hoặc kiểm soát việc nhập cuộc hoặc tiếp cận. Những thay đổi về kỹ thuật và các thể chế có thể dẫn tới việc xem xét lại giả định cơ bản

ủng hộ cần có quy chế là chính sách cạnh tranh và các thể chế có thể không đủ để thực hiện nhiệm vụ ngăn cản độc quyền và lạm dụng vị thế thị trường.

Quy chế có thể củng cố chính sách cạnh tranh. Các quy chế và các nhà lập pháp có thể cố gắng ngăn cản hành vi câu kết hoặc lạm dụng một ngành nào đó. Ví dụ, quy chế có thể xác định các chuẩn mực cho cạnh tranh lành mạnh hoặc đưa ra quy chế bảo đảm đấu thầu cạnh tranh.

Quy chế có thể sử dụng các chính sách của phương pháp cạnh tranh. Các công cụ để đạt được mục tiêu thể chế có thể được thiết kế để khai thác lợi thế của các khuyến khích thị trường và tính năng động của cạnh tranh. Hành vi câu kết có thể là cần thiết để bảo đảm rằng các công cụ này thực hiện như mong muốn của chính sách cạnh tranh.

Độc quyền trong kinh doanh dù hình thành và tồn tại bằng cách nào cũng thường gây ra những hậu quả tiêu cực với nền kinh tế quốc dân.

Độc quyền trong kinh doanh là động lực kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế. Bởi lẽ, với thể độc quyền, người sản xuất không cần quan tâm đến cải tiến kỹ thuật, công nghệ sản xuất và phương thức quản lí mà vẫn thu được lợi nhuận đặc biệt cao. Độc quyền trong kinh doanh sẽ dẫn đến hình thành giá cả độc quyền, giá cả lũng đoạn cao, làm ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng. Độc quyền trong kinh doanh là yếu tố hạn chế tự do kinh doanh và văn minh thương mại.

Vì những hậu quả nêu trên của độc quyền trong kinh doanh, nhiều quốc gia trên thế giới đã coi chống độc quyền là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của nhà nước. nhà nước kiểm soát và ngăn chặn quá trình tích tụ, tập trung để hình thành những tập đoàn kinh tế đủ sức khống chế thị trường bằng Luật chống độc quyền. Mặc khác Nhà nước ngày càng giảm bớt sự can thiệp bằng những mệnh lệnh hành chính để tạo thể độc quyền cho một số doanh nghiệp đặc biệt.